



Quang Châu, ngày 12 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023;
XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023;

I. ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2023

1. Thực hiện thu ngân sách năm 2023

Ước thực hiện thu ngân sách năm 2023 là 73.575 triệu đồng, bằng 312,5 % dự toán, trong đó:

- Thu ngân sách trên địa bàn thực hiện 24.485 triệu đồng bằng 106,2% DT.
- Thu bổ sung từ ngân sách huyện thực hiện 4.471 triệu đồng, trong đó: Thu bổ sung có mục tiêu: 4.471 triệu đồng.
- Thu chuyển nguồn ngân sách xã: 44.619 triệu đồng

Kết quả thu ngân sách trên địa bàn xã cụ thể như sau:

Thu ngân sách trên địa bàn ước thực hiện năm 2023: 24.485 triệu đồng bằng 106,2%. Trong đó:

1.1. Thu thuế ngoài Quốc Doanh ước thực hiện 23.803 triệu đồng bằng 104,3% DT, trong đó:

- Thuế GTGT ước thực hiện 600 triệu đồng bằng 46,2% DT.
- Thu thuế Thu nhập cá nhân ước thực hiện 3,8 tỷ đồng bằng 211,1% DT.

1.2. Thu Lệ phí trước bạ nhà đất ước thực hiện 2 tỷ đồng bằng 66,7% DT.

1.3. Thu Phí, lệ phí ước thực hiện 530 triệu đồng bằng 106% DT trong đó:

- Thu Phí ước thực hiện 188 triệu đồng bằng 157,2% DT.
- Thu Lệ phí môn bài ước thực hiện 409,9 triệu đồng bằng 186,3% DT.

1.4. Thu thuế sử dụng đất phi Nông nghiệp ước thực hiện 380 triệu đồng bằng 172,7 % DT.

1.5. Thu tiền Sử dụng Đất ước thực hiện 16 tỷ đồng bằng 100% DT.

1.6. Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên ước thực hiện 424 triệu đồng bằng 265,3%DT

1.7. Thu tại xã ước thực hiện 682 triệu đồng bằng 284,2% DT, bao gồm:

- Thu từ quỹ đất công, công ích thực hiện 134 triệu đồng bằng 67,1% DT.

- Thu phạt, tịch thu ước thực hiện 63,7 triệu đồng
- Thu khác ước thực hiện 484 triệu đồng bằng 1.210 % DT
(Chi tiết biểu số 01)

2. Chi ngân sách nhà nước năm 2023

Tổng chi ngân sách xã ước thực hiện 73.575 triệu đồng bằng 315,5% DT.
Trong đó:

- A. : Chi đầu tư xây dựng cơ bản** ước thực hiện 34.718 triệu đồng bằng 217% dự toán (Chi tiết biểu số 02).
- B. Chi thường xuyên** ước thực hiện 7.789 triệu đồng bằng 109,5% DT. Bao gồm:
 - 1. Chi quản lý nhà nước** ước thực hiện 6.547 triệu đồng bằng 111,5% DT, Trong đó:
 - Chi hội đồng nhân dân ước thực hiện 460 triệu đồng bằng 104,5% dự toán.
 - Chi ủy ban nhân dân ước thực hiện 4.470 triệu đồng bằng 113,1 % dự toán.
 - Chi khối đảng ước thực hiện 627 triệu đồng bằng 100% dự toán
 - Chi đoàn thanh niên ước thực hiện 160 triệu đồng bằng 114,2 % dự toán.
 - Chi hội liên hiệp phụ nữ ước thực hiện 140 triệu đồng bằng 107,6% dự toán.
 - Chi hội nông dân ước thực hiện 186 triệu đồng bằng 105,7% dự toán.
 - Chi hội cựu chiến binh ước thực hiện 135 triệu đồng bằng 103,8% dự toán.
 - Chi ủy ban mặt trận tổ quốc ước thực hiện 315 triệu đồng bằng 121,6% dự toán.
 - Chi hoạt động hội người cao tuổi ước thực hiện 17,4 triệu đồng bằng 226 % dự toán.
 - Chi hoạt động hội chữ thập đỏ ước thực hiện 34,850 triệu đồng bằng 452,6% dự toán.
 - 2. Chi sự nghiệp** ước thực hiện 1.158 triệu đồng bằng 100% dự toán. Trong đó:
 - Chi các hoạt động xã hội ước thực hiện 130 triệu đồng bằng 100% dự toán.
 - Chi sự nghiệp văn hóa thông tin ước thực hiện 191 triệu đồng bằng 100% dự toán.
 - Chi sự nghiệp thể dục thể thao ước thực hiện 43 triệu đồng bằng 100% dự toán.
 - Chi sự nghiệp phát thanh ước thực hiện 37 triệu đồng bằng 100% dự toán.

- Chi quốc phòng ước thực hiện 393 triệu đồng bằng 100% dự toán.
- Chi an ninh ước thực hiện 111 triệu đồng bằng 146% dự toán.
- Chi sự nghiệp y tế ước thực hiện 10 triệu đồng bằng 100% dự toán.
- Chi sự nghiệp dân số ước thực hiện 6 triệu đồng bằng 100% dự toán .
- Chi sự nghiệp giáo dục thực hiện 174 triệu đồng bằng 100% DT
- Chi sự nghiệp môi trường ước thực hiện 98 triệu đồng bằng 100% DT.
- 3. Chi sự nghiệp kinh tế** ước thực hiện 65 triệu đồng bằng 100% dự toán, trong đó:
 - Sự nghiệp nông nghiệp+thú y: 54 triệu đồng bằng 100% DT.
 - Sự nghiệp thủy lợi ước thực hiện 2 triệu đồng bằng 100% DT.
 - Sự nghiệp giao thông ước thực hiện 9,8 triệu đồng bằng 100% DT.
- 4. Chi khác** ước thực hiện 24 triệu đồng bằng 100%DT
- C. Chi dự phòng** ước thực hiện 430 triệu đồng bằng 204,8% DT.
- D. Chi chuyển nguồn sang năm sau là 30.596 triệu đồng.**

3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

3.1. Thu ngân sách xã ước thực hiện năm 2023 : 73.575 triệu đồng đạt 312,5% dự toán huyện giao, trong đó các chỉ tiêu thu ngân sách đạt tỷ lệ cao là: Thu thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng BĐS (260%), Thu SD đất phi nông nghiệp (172,7%), Thu cấp quyền khai thác tài nguyên (265,3%), Thu khác (1.210%), thu phí, lệ phí (176%).

3.2. Chi ngân sách xã năm 2023 ước thực hiện 73.575 triệu đồng đạt 315.5% dự toán. Một số ngành còn chi cao như: Chi hoạt động UBND (113.1%), Chi công tác đảng (130%), chi hoạt động hội nông dân (118,1%), Chi hoạt động UB MTTQ (1.057%), Chi đầu tư xây dựng cơ bản (217%), Chi hoạt động hội người cao tuổi (226%), Chi hoạt động hội chữ thập đỏ (452,6%), Chi an ninh quốc phòng (146%) còn lại một số ngành khác chi 100% so với dự toán.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023.

1. Đánh giá kết quả thu ngân sách

Kết quả ước thực hiện thu ngân sách xã năm 2023 đạt 312,5% dự toán.

Các ngành đã có nhiều cố gắng, thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý, chống thất thu ngân sách, tăng cường kiểm soát nợ đọng thuế, rà soát các hộ kinh doanh cá thể, lập bộ thuế khoán năm 2023; thành lập các tổ thu thuế đến từng thôn trong xã, tập trung khai thác các nguồn thu cố định trên địa bàn xã như thuế nhà trọ, thu thuế từ các hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn.....

Công tác tuyên truyền chưa sâu rộng dẫn đến nhận thức của nhân dân chưa cao làm khó khăn cho việc rà soát kê khai thuế nhà trọ, kê khai hộ kinh doanh cá thể, kê khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và GPMB các khu dân cư đầu giá, nhà ở xã hội.

2. Đánh giá kết quả chi ngân sách

• Ưu điểm:

Căn cứ Nghị quyết của HĐND xã, ngay từ đầu năm UBND xã đã sớm triển khai nhiệm vụ chi ngân sách năm 2023 thực hiện nghiêm túc theo Luật ngân sách nhà nước và bám sát dự toán đã được HĐND xã thông qua. Năm 2023 ngân sách đảm bảo nguồn kinh phí chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi thường xuyên theo kế hoạch, dự toán giao, công tác chi đã chấp hành đúng các quy định của chế độ kế toán.

• Tồn tại:

Việc xây dựng dự toán đầu năm căn cứ vào dự toán giao của huyện nên cơ bản mới dựa vào chế độ, định mức, chưa dự báo được hết nhiệm vụ phát sinh trong năm nên trong quá trình điều hành ngân sách còn phải điều chỉnh, bổ sung dự toán.

Việc tiết kiệm trong quản lý chi hành chính còn chưa hiệu quả.

Các thôn chưa sâu sát, quan tâm đến việc thu các khoản thuế, sản, các quỹ dẫn đến nhiều thôn còn nợ.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH.

1. Về Ưu điểm:

- UBND xã thường xuyên đôn đốc chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch của UBND huyện.
- Thực hiện đúng các quy định của nhà nước về công tác quản lý tài chính ngân sách.

2. Về tồn tại:

- Việc quản lý diện tích đất ao hồ, bến bãi của các thôn còn buông lỏng.
- Việc rà soát kê khai thuế nhà trọ, kê khai các hộ kinh doanh cá thể và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp chưa đạt kết quả cao.
- Công tác thu phí, lệ phí trên địa bàn chưa tận thu khai thác được các khoản thu hiện có như Thuế kinh doanh nhà trọ, thuế từ các hộ kinh doanh cá thể.

Phần thứ hai

XÂY DỰNG VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024

Căn cứ quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2023 của UBND huyện Việt Yên về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 cho xã Quang Châu;

Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương, UBND xã Quang Châu xây dựng dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 như sau:

I. Nguyên tắc xây dựng và phân bổ

1. Xây dựng dự toán thu NSNN trên tinh thần tích cực, tính đúng, tính đủ theo các quy định của Luật NSNN và chính sách thu hiện hành, đảm bảo không thấp hơn dự toán của huyện giao về tổng số và chi tiết các chỉ tiêu thu ngân sách, quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán, chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ chi theo mức độ cấp thiết, khả năng triển khai các nhiệm vụ.

2. Dự toán chi đã tính theo định mức và mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng.

Chi đầu tư: ưu tiên chi trả nợ các công trình XDCB và các công trình đã ứng vốn để thu hồi tạm ứng.

II. Dự toán thu ngân sách

1. Chỉ tiêu thu ngân sách năm 2024

Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2024: 118.132 triệu đồng trong đó ngân sách xã là 17.810 triệu đồng gồm:

- Thu do chi cục thuế quản lý: ngân sách nhà nước 117.232 triệu đồng, ngân sách xã 16.910 triệu đồng. Trong đó:
 - + Thu thuế ngoài quốc doanh: ngân sách nhà nước: 5.086 triệu đồng, ngân sách xã: 3.042 triệu đồng, trong đó: Thu Thuế Giá trị gia tăng: ngân sách nhà nước và ngân sách xã 650 triệu đồng. Thuế thu nhập cá nhân: ngân sách nhà nước 4.434 triệu đồng gồm: Thu từ sản xuất kinh doanh: 350 triệu đồng, Thu từ chuyển nhượng BĐS: 4.084 triệu đồng, ngân sách xã thu từ sản xuất kinh doanh: 350 triệu đồng, thu từ chuyển nhượng BĐS: 2.042 triệu đồng.
 - + Thuế tiêu thụ đặc biệt ngân sách nhà nước là 2 triệu đồng.
 - + Thu lệ phí trước bạ nhà đất: ngân sách nhà nước: 5 tỷ đồng, ngân sách xã 2.5 tỷ đồng
 - + Thu phí và lệ phí: Ngân sách nhà nước và ngân sách xã là 500 triệu đồng trong đó phí: 200 triệu đồng, lệ phí môn bài là 300 triệu đồng.
 - + Thu từ tiền sử dụng đất: ngân sách nhà nước: 106.420 triệu đồng, ngân sách xã: 10.642 triệu đồng.
 - + Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: ngân sách nhà nước và ngân sách xã: 226 triệu đồng.
- Thu tại xã: 900 triệu đồng gồm thu từ quỹ đất công ích và thu khác.

(Chi tiết biểu 03)

2. Biện pháp thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách năm 2024.

Để phân đầu thực hiện hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách năm 2024 UBND xã, các ngành được giao nhiệm vụ thực hiện nghiêm túc các giải pháp sau:

- Tiếp tục rà soát kê khai thuế nhà trọ, kê khai hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn và kê khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của các khu dân cư mới.

- Tăng cường công tác quản lý nguồn thu cố định trên địa bàn, các khoản phí lệ phí.

- Tăng cường khai thác các nguồn thu thuế giá trị gia tăng của các hộ cá thể, các nguồn thuế xây dựng cơ bản của các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn.

- Quản lý tốt nguồn thu quỹ đất công ích, đất công.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức đấu giá đất ở từng khu vực, từng thôn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện đấu giá đất và thu tiền sử dụng đất, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu thu ngân sách năm 2024 đạt kết quả cao.

- Ban lãnh đạo thôn trực tiếp tập trung tham gia vào công tác giải phóng mặt bằng các khu dân cư đấu giá và khu nhà ở xã hội.

III. Dự toán chi ngân sách nhà nước

1. Dự toán chi ngân sách năm 2024

Dự toán chi ngân sách xã năm 2024 là 18.665 triệu đồng tiết kiệm 10%: 125,7 triệu đồng, dự toán còn được chi năm 2024 là 18.539 triệu đồng. Trong đó:

- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 10.642 triệu đồng.

- Chi thường xuyên là 7.563,3 triệu đồng.

- Chi dự phòng ngân sách là 334 triệu đồng

Cụ thể từng lĩnh vực như sau:

1.1. Dự toán chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 10.642 triệu đồng. (*Ưu tiên chi trả nợ đầu tư XD CB*)

1.2. Dự toán chi thường xuyên: 7.563,3 triệu đồng. Trong đó:

- Chi quản lý hành chính: 5.759 triệu đồng gồm:

+ Chi hội đồng nhân dân: 342 triệu đồng.

+ Chi ủy ban nhân dân: 3.888 triệu đồng.

+ Chi khối đảng: 576 triệu đồng.

+ Chi đoàn thanh niên: 170.890 triệu đồng

+ Chi hội liên hiệp phụ nữ: 160 triệu đồng

+ Chi hội nông dân: 165 triệu đồng.

+ Chi hội cựu chiến binh: 160 triệu đồng

+ Chi ủy ban mặt trận tổ quốc: 279 triệu đồng.

+ Chi hoạt động hội người cao tuổi: 7,7 triệu đồng.

+ Chi hoạt động hội chữ thập đỏ: 7,7 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp: 1.478 triệu đồng. Trong đó:
- + Chi hoạt động xã hội: 172 triệu đồng.
- + Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 148,9 triệu đồng.
- + Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 32,4 triệu đồng.
- + Chi sự nghiệp phát thanh: 66,6 triệu đồng.
- + Chi quốc phòng: 137 triệu đồng.
- + Chi an ninh: 57 triệu đồng.
- + Chi môi trường: 348 triệu đồng
- + Chi sự nghiệp y tế: 10 triệu đồng.
- + Chi sự nghiệp dân số: 6 triệu đồng.
- + Chi sự nghiệp giáo dục: 500 triệu đồng
- Chi sự nghiệp kinh tế: 296,1 triệu đồng. Trong đó:
- + Sự nghiệp nông nghiệp thú y: 54 triệu đồng.
- + Sự nghiệp thủy lợi: 90 triệu đồng..
- + Sự nghiệp giao thông: 152,1 triệu đồng.
- Chi khác: 30 triệu đồng.

1.3. Chi dự phòng: 334 triệu đồng.

2. Biện pháp quản lý điều hành chi ngân sách xã năm 2024

- Thực hiện việc điều hành chi theo đúng quy định và dự toán đã được HĐND xã thông qua, ưu tiên các khoản chi theo chính sách, chế độ cho cán bộ, công chức, đảm bảo kinh phí đáp ứng kịp thời chi cho các nhiệm vụ thường xuyên, chi phát triển kinh tế, chi trả nợ đầu tư XD CB.

- Tăng cường công tác kiểm tra sử dụng nguồn kinh phí ngân sách, nguồn vốn hỗ trợ đối với các thôn đảm bảo công khai, dân chủ chống lãng phí.

- Các ngành UBND, các ban ngành đoàn thể thực hiện chi đúng chế độ, định mức, thành phần, nội dung hội nghị theo quy định, cắt giảm các chi phí chi hội nghị không thật sự cần thiết. Trường hợp hụt thu UBND xã báo cáo thường trực HĐND xã để cắt giảm, các khoản chi chưa thực sự cần thiết để đảm bảo cân đối.

- Trong quá trình điều hành chi ngân sách nếu có các nhiệm vụ phát sinh làm thay đổi tổng thu, chi ngân sách đề nghị HĐND xã cho phép UBND xã điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách theo quy định.

Trên đây là báo cáo đánh giá ước thực hiện dự toán ngân sách năm 2023, xây dựng dự toán ngân sách năm 2024, kính mong các đại biểu tham gia đóng góp ý kiến, HĐND xã có nghị quyết để UBND xã tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Các cơ quan thường trực;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Phòng TC-KH huyện;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tài Hải

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NĂM 2023

stt	Nội Dung	Dự Toán	Điều chỉnh giảm dự toán	Dự toán sau điều chỉnh	Thực hiện 11 tháng 2023	Ước thực hiện 2023	Tỉ lệ % 11 tháng/DT	Ước TH % 2023/DT
	Tổng thu	25,541,000,000	2,000,000,000	23,541,000,000	59,100,006,664	73,575,919,574	251.1	312.5
A	Thu NS trên địa bàn	25,060,000,000	2,000,000,000	23,060,000,000	9,937,184,134	24,485,097,044	43.1	106.2
I	Thu do chi cục thuế quản lý	24,820,000,000	2,000,000,000	22,820,000,000	9,275,123,334	23,803,036,244	40.6	104.3
1	Thu thuế Ngoài Quốc Doanh	5,100,000,000	2,000,000,000	3,100,000,000	3,776,754,209	4,400,000,000	121.8	141.9
1.1	Thuế Giá trị gia tăng	1,300,000,000		1,300,000,000	572,387,058	600,000,000	44.0	46.2
1.2	Thuế thu nhập cá nhân	3,800,000,000	2,000,000,000	1,800,000,000	3,204,367,151	3,800,000,000	178.0	211.1
	Thu từ SXKD	550,000,000		550,000,000		550,000,000	-	100.0
	Thu từ chuyển nhượng BĐS	3,250,000,000	2,000,000,000	1,250,000,000	3,204,367,151	3,250,000,000	256.3	260.0
1.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt			-				
2	Lệ Phí trước bạ nhà đất	3,000,000,000		3,000,000,000	1,870,482,099	2,000,000,000	62.3	66.7
3	Phí và lệ phí	340,000,000		340,000,000	578,565,000	598,565,000	170.2	176.0
	Phí	120,000,000		120,000,000	168,665,000	188,665,000	140.6	157.2
	Lệ phí môn bài	220,000,000		220,000,000	409,900,000	409,900,000	186.3	186.3
4	Thu từ tiền sử dụng đất	16,000,000,000		16,000,000,000	2,273,219,100	16,000,000,000	14.2	100.0
5	Thuế SD đất phi nông nghiệp	220,000,000		220,000,000	351,631,682	380,000,000	159.8	172.7
6	Thu cấp quyền khai thác KS	160,000,000		160,000,000	424,471,244	424,471,244	265.3	265.3
II	Thu tại xã	240,000,000		240,000,000	662,060,800	682,060,800	275.9	284.2
I	Thu từ quỹ đất công, công ích	200,000,000		200,000,000	134,210,000	134,210,000	67.1	67.1

stt	Nội Dung	Dự Toán	Điều chỉnh giảm dự toán	Dự toán sau điều chỉnh	Thực hiện 11 tháng 2023	Ước thực hiện 2023	Tỉ lệ % 11 tháng/ DT	Ước TH % 2023/D T
2	<i>Thu Phạt vi phạm hành chính</i>	-		-	43,700,000	63,700,000		
3	<i>Thu khác</i>	40,000,000		40,000,000	484,150,800	484,150,800	1,210.4	1,210.4
B	Thu Bổ xung Ngân Sách	481,000,000		481,000,000	4,471,000,000	4,471,000,000	929.5	929.5
1	<i>Bổ sung cân đối Ngân sách</i>	-		-	-	-		
2	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	481,000,000		481,000,000	4,471,000,000	4,471,000,000		
C	Thu chuyển nguồn ngân sách				44,691,822,530	44,619,822,530		

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

TT	Nội Dung	Dự toán cấp 2023	Trừ tiết kiệm chi 10%	Điều chỉnh dự toán	Dự toán còn được chi 2023	Thực hiện 11 tháng	Ước Thực hiện 2023	Tỉ lệ % 11 tháng/DT	Ước TH % 2023/DT
	Tổng dự toán chi năm 2023	25,541,000,000	217,900,000	2,000,000,000	23,323,100,000	40,310,006,114	73,575,919,574	172.8	315.5
A	<i>Chi thường xuyên</i>	9,331,000,000	217,900,000	2,000,000,000	7,113,100,000	6,665,052,114	7,930,720,000	93.7	111.5
I	Chi Quản lý hành chính	6,520,000,000	94,900,000	554,000,000	5,871,100,000	5,789,282,378	6,647,920,000	98.6	113.2
1	Chi hội đồng nhân dân	460,000,000	20,000,000	-	440,000,000	358,262,200	460,000,000	81.4	104.5
<i>1.1</i>	<i>Lương và phụ cấp</i>	220,000,000			220,000,000	226,262,400	240,000,000		
<i>1.2</i>	<i>Chi hoạt động HĐND+ máy quản áo đại biểu HĐND</i>	220,000,000	20,000,000		200,000,000	126,670,000	200,000,000	102.8	109.1
<i>1.3</i>	<i>Chi bảo hiểm đại biểu hội đồng</i>	20,000,000			20,000,000	5,329,800	20,000,000	26.6	100.0
2	Chi Ủy ban nhân dân	4,533,000,000	48,000,000	534,000,000	3,951,000,000	3,999,183,678	4,470,000,000	101.2	113.1
<i>2.1</i>	<i>Lương và phụ cấp</i>	2,702,000,000			2,702,000,000	3,064,360,778	3,200,000,000	113.4	118.4
<i>2.2</i>	<i>Chi BHXH, BHYT</i>	320,000,000			320,000,000	222,840,000	320,000,000	69.6	100.0
<i>2.3</i>	<i>Kinh phí công đoàn</i>	30,000,000			30,000,000	26,382,900	30,000,000	87.9	100.0
<i>2.4</i>	<i>Chi hoạt động UBND</i>	481,000,000	48,000,000		433,000,000	633,000,000	800,000,000	146.2	184.8

TT	Nội Dung	Dự toán cấp 2023	Trừ tiết kiệm chi 10%	Điều chỉnh dự toán	Dự toán còn được chi 2023	Thực hiện 11 tháng	Ước Thực hiện 2023	Tỷ lệ % 11 tháng/DT	Ước TH % 2023/DT
2.5	Chi mua sắm tài sản	500,000,000		34,000,000	466,000,000	52,600,000	120,000,000	11.3	25.8
2.6	Chi chính trang đô thị	500,000,000		500,000,000	-	-	-	-	-
3	Chi Đảng ủy	666,000,000	19,000,000	20,000,000	627,000,000	518,713,800	627,000,000	82.7	100.0
3.1	Lương và phụ cấp	470,000,000			470,000,000	421,713,800	470,000,000	89.7	100.0
3.2	Chi công tác đảng,	190,000,000	19,000,000	20,000,000	151,000,000	91,000,000	151,000,000	60.3	100.0
3.3	KP kiểm tra giám sát cấp ủy	6,000,000			6,000,000	6,000,000	6,000,000	100.0	100.0
4	Chi Đoàn thanh niên	142,100,000	1,210,000		140,890,000	143,111,700	160,890,000	101.6	114.2
4.1	Lương và phụ cấp	100,000,000			100,000,000	113,111,700	120,000,000	113.1	120.0
4.2	Chi hoạt động đoàn TN	12,100,000	1,210,000		10,890,000		10,890,000	-	100.0
4.3	Chi trại hè	30,000,000			30,000,000	30,000,000	30,000,000	100.0	100.0
5	Chi hội liên hiệp phụ nữ	132,100,000	1,210,000		130,890,000	127,703,100	140,890,000	97.6	107.6
5.1	Lương và phụ cấp	120,000,000			120,000,000	123,503,100	130,000,000	102.9	108.3
5.2	Chi hoạt động hội LHPN	12,100,000	1,210,000		10,890,000	4,200,000	10,890,000	38.6	100.0
6	Chi hội nông dân	177,100,000	1,210,000		175,890,000	167,192,400	186,000,000	95.1	105.7
6.1	Lương và phụ cấp	120,000,000			120,000,000	101,562,400	120,000,000	84.6	100.0
6.2	Chi hoạt động hội ND+quỹ+đại hội	57,100,000	1,210,000		55,890,000	65,630,000	66,000,000	117.4	118.1
7	Chi hội cựu chiến binh	132,100,000	1,210,000		130,890,000	124,034,700	135,890,000	94.8	103.8
7.1	Lương và phụ cấp	120,000,000			120,000,000	124,034,700	125,000,000	103.4	104.2
7.2	Chi hoạt động hội CCB	12,100,000	1,210,000		10,890,000		10,890,000	-	100.0
8	Chi UB Mặt trận tổ quốc, hội NCT và CTD	260,600,000	1,460,000		259,140,000	298,830,800	415,000,000	115.3	160.1
8.1	Lương và phụ cấp	230,000,000			230,000,000	252,370,800	260,000,000	109.7	113.0
8.2	Chi hoạt động UB MTTQ	14,600,000	1,460,000		13,140,000	30,460,000	139,000,000	231.8	1,057.8

TT	Nội Dung	Dự toán cấp 2023	Trừ tiết kiệm chi 10%	Điều chỉnh dự toán	Dự toán còn được chi 2023	Thực hiện 11 tháng	Ước Thực hiện 2023	Tỷ lệ % 11 tháng/DT	Ước TH % 2023/DT
8.3	Chi giám sát công đồng	10,000,000			10,000,000	10,000,000	10,000,000	100.0	100.0
8.4	Ban thanh tra nhân dân	6,000,000			6,000,000	6,000,000	6,000,000	100.0	100.0
9	Chi hoạt động hội NCT	8,500,000	800,000		7,700,000	17,400,000	17,400,000	226.0	226.0
10	Chi hoạt động hội CTD	8,500,000	800,000		7,700,000	34,850,000	34,850,000	452.6	452.6
II	Chi sự nghiệp	1,866,000,000	32,000,000	676,000,000	1,158,000,000	831,119,736	1,193,000,000	71.8	103.0
I	Chi các hoạt động xã hội	189,000,000	9,000,000	50,000,000	130,000,000	91,182,000	130,000,000	70.1	100.0
1.1	Chi lương hưu	100,000,000		30,000,000	70,000,000	55,992,000	70,000,000	80.0	100.0
1.2	Chi hoạt động xã hội	89,000,000	9,000,000	20,000,000	60,000,000	35,190,000	60,000,000	58.7	100.0
2	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	203,000,000	12,000,000		191,000,000	179,043,490	191,000,000	93.7	100.0
2.1	Đại đoàn kết toàn dân	56,000,000			56,000,000	56,000,000	56,000,000	100.0	100.0
2.2	Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM	20,000,000			20,000,000	20,000,000	20,000,000	100.0	100.0
2.3	Hoạt động VHHT	127,000,000	12,000,000		115,000,000	103,043,490	115,000,000	89.6	100.0
3	Chi Sự nghiệp thể dục thể thao	47,000,000	4,000,000		43,000,000	12,900,000	43,000,000	30.0	100.0
4	Chi sự nghiệp phát thanh	74,000,000	7,000,000	30,000,000	37,000,000	30,380,011	37,000,000	82.1	100.0
5	Chi quốc phòng + huấn luyện dân quân	413,000,000		20,000,000	393,000,000	359,494,600	393,000,000	91.5	100.0
6	Chi an ninh	76,000,000			76,000,000	104,479,635	111,000,000	137.5	146.1
7	Chi môi trường	348,000,000		250,000,000	98,000,000	41,400,000	98,000,000	42.2	100.0
8	Chi sự nghiệp y tế	10,000,000			10,000,000	6,240,000	10,000,000	62.4	100.0
9	Chi sự nghiệp dân số	6,000,000			6,000,000	6,000,000	6,000,000	100.0	100.0
10	Chi sự nghiệp giáo dục	500,000,000		326,000,000	174,000,000	174,000,000	174,000,000	-	100.0
III	Chi sự nghiệp kinh tế	921,000,000	91,000,000	770,000,000	60,000,000	25,600,000	65,800,000	42.7	109.7
I	Nông nghiệp + thú y	60,000,000	6,000,000		54,000,000	15,800,000	54,000,000	29.3	100.0
2	Thủy lợi	424,000,000	42,000,000	380,000,000	2,000,000		2,000,000	-	100.0

TT	Nội Dung	Dự toán cấp 2023	Trừ tiết kiệm chi 10%	Điều chỉnh dự toán	Dự toán còn được chi 2023	Thực hiện 11 tháng	Ước Thực hiện 2023	Tỉ lệ % 11 tháng/DT	Ước TH % 2023/DT
3	Giao thông	437,000,000	43,000,000	390,000,000	4,000,000	9,800,000	9,800,000	245.0	245.0
IV	Chi khác	24,000,000			24,000,000	19,050,000	24,000,000	79.4	100.0
B	Chi Dự phòng	210,000,000			210,000,000		430,000,000	-	204.8
C	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	16,000,000,000			16,000,000,000	33,644,954,000	34,718,954,000	210.3	217.0
1	Xây mới nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường tiểu học Quang Châu (khu lẻ)					3,100,000,000	3,100,000,000		
2	Trương mành non trung tâm xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Hàng mục: 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ					1,056,694,000	1,056,694,000		
3	Xây mới chùa Đạo Ngạn 2 và các hạng mục phụ trợ, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang					443,649,000	443,649,000		
4	Cải tạo đình làng và các hạng mục phụ trợ thôn Quang Biều, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.					1,013,075,000	1,013,075,000		
5	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang nhân dân thôn Tam Tầng, xã Quang Châu, huyện Việt Yên.HM: Xây nâng mộ và các hạng mục phụ trợ					347,738,000	347,738,000		
6	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông, rãnh thoát nước và kênh tiêu thôn Quang Biều, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.					587,343,000	587,343,000		
7	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông, rãnh thoát nước trên địa bàn thôn Quang Biều, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn I)					2,111,362,000	2,111,362,000		
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường và hệ thống thoát nước nội thôn Núi Hiều, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.					1,645,649,000	1,645,649,000		
9	Xây công lán thôn Đạo Ngạn 1, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang					40,457,000	40,457,000		
10	hệ thống chiếu sáng đô thị toàn xã giai đoạn I- xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang					1,361,605,000	1,361,605,000		
11	Xây dựng 20 phòng học, cải tạo nâng cấp phòng học nhà chức năng và các hạng mục phụ trợ					1,428,188,000	1,428,188,000		

TT	Nội Dung	Dự toán cấp 2023	Trừ tiết kiệm chi 10%	Điều chỉnh dự toán	Dự toán còn được chi 2023	Thực hiện 11 tháng	Ước Thực hiện 2023	Tỉ lệ % 11 tháng/DT	Ước TH % 2023/DT
12	Chợ thôn Núi Hiều, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang					3,112,376,000	3,112,376,000		
13	Xây dựng chợ mới tại trung tâm xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.HM: Sân Bắc cấp và các hạng mục phụ trợ					49,225,000	49,225,000		
14	Xây kế mại đường thôn Chu Xá, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.					425,958,000	425,958,000		
15	Sân thể thao vườn dừa thôn Quang Biều, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.					582,657,000	582,657,000		
16	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông lên thôn Nam Ngạn, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang					500,000,000	500,000,000		
23	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Đông Tiến, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang					500,000,000	500,000,000		
24	Xây mới và nâng cấp công trình phụ trợ chùa Đạo Ngạn 2, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang					4,398,568,000	4,398,568,000		
25	Cải tạo nhà văn hoá thôn Quang Biều, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang					620,842,000	620,842,000		
26	Cải tạo nhà văn hoá thôn Núi Hiều, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang					434,926,000	434,926,000		
27	Xây mới nhà tam việc và bộ phận một cửa UBND xã Quang Châu; Hạng mục: Xây mới nhà tam việc và bộ phận 1 cửa					3,990,000,000	3,990,000,000		
28	Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Xây dựng khu dân cư thôn Quang Biều, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang(đợt 2) bơi thường, no trợ GPMB để thực hiện dự án					44,439,000	44,439,000		
29	Xây dựng khu dân cư thôn Quang Biều, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang(đợt 1)					24,695,000	24,695,000		
30	Xây dựng đình đồng tiên, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang					1,980,030,000	1,980,030,000		
31	Trương Mâm non trùng tâm xã Quang Châu, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang.HM: Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ					3,011,633,000	3,011,633,000		
32	Trụ sở công an xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang					833,845,000	833,845,000		
33	Lát hè, trồng cây xanh khu dân cư dịch vụ khanh lang						74,000,000		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2024

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO		DỰ TOÁN HỖND XÃ GIAO	
		NSNN	NS XÃ	NSNN	NS XÃ
	Tổng thu	118,132,000,000	17,810,000,000	118,132,000,000	17,810,000,000
A	Thu NS trên địa bàn	118,132,000,000	17,810,000,000	118,132,000,000	17,810,000,000
I	Thu do chi cục thuế quản lý	117,232,000,000	16,910,000,000	117,232,000,000	16,910,000,000
1	Thu thuế Ngoài Quốc Doanh	5,086,000,000	3,042,000,000	5,086,000,000	3,042,000,000
1	Thuế Giá trị gia tăng	650,000,000	650,000,000	650,000,000	650,000,000
1.2	Thuế thu nhập cá nhân	4,434,000,000	2,392,000,000	4,434,000,000	2,392,000,000
	<i>Thu từ SXKD</i>	<i>350,000,000</i>	<i>350,000,000</i>	<i>350,000,000</i>	<i>350,000,000</i>
	<i>Thu từ chuyển nhượng BĐS</i>	<i>4,084,000,000</i>	<i>2,042,000,000</i>	<i>4,084,000,000</i>	<i>2,042,000,000</i>
1.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	2,000,000	-	2,000,000	-
2	Lệ Phí trước bạ nhà đất	5,000,000,000	2,500,000,000	5,000,000,000	2,500,000,000
3	Phí và lệ phí	500,000,000	500,000,000	500,000,000	500,000,000
	<i>Phí</i>	<i>200,000,000</i>	<i>200,000,000</i>	<i>200,000,000</i>	<i>200,000,000</i>
	<i>Lệ phí môn bài</i>	<i>300,000,000</i>	<i>300,000,000</i>	<i>300,000,000</i>	<i>300,000,000</i>
4	Thu từ tiền sử dụng đất	106,420,000,000	10,642,000,000	106,420,000,000	10,642,000,000
5	Thuế SD đất phi nông nghiệp	226,000,000	226,000,000	226,000,000	226,000,000
6	Thu cấp quyền khai thác KS			-	-
II	Thu tại xã	900,000,000	900,000,000	900,000,000	900,000,000
B	Thu Bổ sung Ngân Sách	-	-	-	-
1	<i>Bổ sung cân đối Ngân sách</i>				
2	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>				
C	Thu kết dư Ngân sách				

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

TT	Nội Dung	Dự toán cấp 2024	Trừ tiết kiệm chi 10%	Dự toán còn được chi 2024
	Tổng dự toán chi năm 2024	18,665,000,000	125,700,000	18,539,300,000
A	Chi thường xuyên	7,689,000,000	125,700,000	7,563,300,000
I	Chi Quản lý hành chính	5,827,000,000	67,900,000	5,759,100,000
1	Chi hội đồng nhân dân	350,000,000	8,000,000	342,000,000
1.1	Lương và phụ cấp	250,000,000		250,000,000
1.2	Chi hoạt động HĐND	80,000,000	8,000,000	72,000,000
1.3	Chi bảo hiểm đại biểu hội đồng	20,000,000		20,000,000
2	Chi Ủy ban nhân dân	3,930,000,000	42,000,000	3,888,000,000
2.1	Lương và phụ cấp	3,070,000,000		3,070,000,000
2.2	Chi BHXH, BHYT	400,000,000		400,000,000
2.3	Kinh phí công đoàn	40,000,000		40,000,000
2.4	Chi hoạt động UBND	420,000,000	42,000,000	378,000,000
3	Chi Đảng ủy	586,000,000	10,000,000	576,000,000
3.1	Lương và phụ cấp	480,000,000		480,000,000
3.2	Chi công tác đảng,	100,000,000	10,000,000	90,000,000
3.3	KP kiểm tra giám sát cấp ủy	6,000,000		6,000,000
4	Chi Đoàn thanh niên	172,100,000	1,210,000	170,890,000
4.1	Lương và phụ cấp	140,000,000		140,000,000
4.2	Chi hoạt động đoàn TN	12,100,000	1,210,000	10,890,000
4.3	Chi trại hè	20,000,000		20,000,000
5	Chi hội liên hiệp phụ nữ	162,100,000	1,210,000	160,890,000
5.1	Lương và phụ cấp	150,000,000		150,000,000
5.2	Chi hoạt động hội LHPN	12,100,000	1,210,000	10,890,000
6	Chi hội nông dân	167,100,000	1,210,000	165,890,000
6.1	Lương và phụ cấp	150,000,000		150,000,000
6.2	Chi hoạt động hội ND+quỹ	17,100,000	1,210,000	15,890,000
7	Chi hội cựu chiến binh	162,100,000	1,210,000	160,890,000
7.1	Lương và phụ cấp	150,000,000		150,000,000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

7.2	Chi hoạt động hội CCB	12,100,000	1,210,000	10,890,000
8	Chi UB Mặt trận tổ quốc, hội NCT và CTĐ	280,600,000	1,460,000	279,140,000
8.1	Lương và phụ cấp	250,000,000		250,000,000
8.2	Chi hoạt động UB MTTQ	14,600,000	1,460,000	13,140,000
8.3	Chi giám sát cộng đồng	10,000,000		10,000,000
8.4	Ban thanh tra nhân dân	6,000,000		6,000,000
9	Chi hoạt động hội NCT	8,500,000	800,000	7,700,000
10	Chi hoạt động hội CTĐ	8,500,000	800,000	7,700,000
II	Chi sự nghiệp	1,503,000,000	24,900,000	1,478,100,000
1	Chi các hoạt động xã hội	178,000,000	5,800,000	172,200,000
1.1	Chi lương hưu	120,000,000		120,000,000
1.2	Chi hoạt động xã hội	58,000,000	5,800,000	52,200,000
2	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	157,000,000	8,100,000	148,900,000
2.1	Đại đoàn kết toàn dân	56,000,000		56,000,000
2.2	Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM	20,000,000		20,000,000
2.3	Hoạt động VH TT	81,000,000	8,100,000	72,900,000
3	Chi Sự nghiệp thể dục thể thao	36,000,000	3,600,000	32,400,000
4	Chi sự nghiệp phát thanh	74,000,000	7,400,000	66,600,000
5	Chi quốc phòng	137,000,000		137,000,000
6	Chi an ninh	57,000,000		57,000,000
7	Chi môi trường	348,000,000		348,000,000
8	Chi sự nghiệp y tế	10,000,000		10,000,000
9	Chi sự nghiệp dân số	6,000,000		6,000,000
10	Chi sự nghiệp giáo dục	500,000,000		500,000,000
III	Chi sự nghiệp kinh tế	329,000,000	32,900,000	296,100,000
1	Nông nghiệp + thú y	60,000,000	6,000,000	54,000,000
2	Thủy lợi	100,000,000	10,000,000	90,000,000
3	Giao thông	169,000,000	16,900,000	152,100,000
IV	Chi khác	30,000,000		30,000,000
B	Chi Dự phòng	334,000,000		334,000,000
C	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	10,642,000,000		10,642,000,000